| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 55/2019/HNGĐ-ST<br>Ngày 19/12/2019<br>V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con. | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà*: Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thanh Hải và bà Nguyễn Thị Hạnh Thu.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Mai Văn Việt - thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Khắc Đạo - kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 222/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/11/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29/11/2019, Thông báo thay đổi thời gian, địa điểm mở phiên tòa ngày 02/12/2019 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Chị Đặng Thị T, sinh năm 1982; đăng ký HKTT: Thôn L, xã D, huyện T, tỉnh Hải Dương; hiện trú tại: Thôn P, xã H, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (có mặt).

***Bị đơn:*** Anh Phạm Văn D, sinh năm 1984; đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn L, xã D, huyện T1, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959; trú tại: Thôn L, xã D, huyện T1, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Đặng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn D kết hôn với nhau vào ngày 11/11/2014 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống cùng gia đình chồng ở thôn L, xã D, huyện T1. Anh chị chung sống hạnh phúc đến khi chị

sinh con (tháng 8/2015) thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh D không tu chí làm ăn, thường xuyên chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ tiền của nhiều người. Chị đã khuyên nhủ anh D nhiều lần nhưng anh D không thay đổi, chị có nhờ mẹ chồng khuyên nhủ giúp nhưng mẹ chồng chị lại bênh anh D. Chị thấy mệt mỏi nên từ giữa năm 2016, chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn P, xã H, huyện Gia Lộc sống, mục đích để anh D từ bỏ cờ bạc và vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên từ ngày chị về nhà bố mẹ đẻ sống thì anh D không quan tâm gì đến mẹ con chị, sau đó cũng bỏ đi làm ăn xa (nay tỉnh này, mai tỉnh khác) để tránh việc bị đòi nợ. Chị đã nhiều lần gọi điện bảo anh D về để giải quyết ly hôn nhưng anh D không về và nói chị muốn làm gì thì làm. Đến nay chị thấy không còn tình cảm với anh D nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về quan hệ con chung: Chị và anh D có một con chung là Phạm Bảo Ngọc, sinh ngày 23/8/2015, từ khi anh chị ly thân nhau đến nay, con vẫn ở cùng chị, anh D không có trách nhiệm gì với con. Nguyện vọng của chị muốn được nuôi con và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hiện chị làm công nhân may, thu nhập trung bình là 6.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt văn bản, tài liệu cho bị đơn là anh Phạm Văn D và nhiều lần triệu tập anh D đến Tòa án giải quyết vụ ly hôn nhưng anh D không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị T.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị T và anh D. Tại biên bản xác minh ngày 07/11/2019, đại diện lãnh đạo xã cùng đại diện Hội phụ nữ, lãnh đạo thôn L, xã D đều xác nhận anh D và chị T có mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D chơi bời dẫn đến nợ nần nhiều nên phải đi làm ăn ở địa phương khác, không thường xuyên có mặt ở nhà, chị T đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở huyện Gia Lộc sống.

Ông Phạm Đình Úy - Trưởng Công an xã D cung cấp: Anh D nợ tiền của nhiều người nên đã bỏ nhà đi để trốn nợ. Khi chị T đến Công an xã xin xác nhận nơi cư trú của anh D, ông đã trực tiếp gọi điện yêu cầu anh D cung cấp địa chỉ cụ thể nhưng anh D không cung cấp, chỉ nói đang làm thợ xây ở Hà Nội, thỉnh thoảng mới tranh thủ về nhà và sẽ không về để giải quyết việc ly hôn với chị T.

Người làm chứng là bà Nguyễn Thị L (là mẹ anh D) trình bày: Anh D và chị T chung sống với nhau đến giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng  không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng, anh D còn nợ tiền của nhiều người nhưng không biết lý do vì sao. Do chán

nản nên chị T đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sống. Sau đó anh D cũng đi làm ăn xa nhưng không nói rõ địa chỉ ở đâu, lúc thì nói làm ở Hà Nội, lúc lại nói làm ở Quảng Ninh. Bà cũng xác định đã liên lạc được với anh D và thông báo về việc Tòa án huyện Tứ Kỳ đang giải quyết việc ly hôn của anh với chị T, đồng thời yêu cầu anh D về giải quyết ly hôn nhưng anh D không về và bày tỏ quan điểm đồng ý ly hôn với chị T.

Đại diện Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em ở xã D đề nghị Tòa án giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng vì anh D là người chơi bời, nợ nần nhiều và thường xuyên vắng mặt tại địa phương.

Toà án đã tiến hành các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vụ án theo quy định của pháp luật nhưng anh D không đến tham gia nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên toà sơ thẩm ngày 29/11/2019, bị đơn là anh Phạm Văn D đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà.

Tại phiên toà lần thứ hai, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh D và đề nghị được nuôi con, ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác. Anh D đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ có quan điểm xác định việc Toà án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị T là đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, chị T có mặt, anh D vắng mặt lần hai không có lý do, HĐXX đã căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền - nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng quyền - nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử cho chị T ly hôn anh D; giao cho chị T nuôi con, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T; về án phí: chị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Phạm Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Phạm Văn D tự nguyện kết hôn và đã được UBND xã D đăng ký, cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/11/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của chị T, biên bản xác minh tại địa phương, lời khai của người làm chứng (bà L) có căn cứ xác định trong cuộc sống chị T và anh D có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống bất đồng, anh D nợ tiền của nhiều người nhưng không có kế hoạch trả, lại thường vắng mặt ở nhà, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng không có hạnh phúc. Chị T và anh D đã sống ly thân nhau từ giữa năm 2016 đến nay. Anh D cũng không có thiện chí đoàn tụ cùng chị T, điều này thể hiện ở việc trong quá trình vợ chồng ly thân, anh D không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ hôn nhân. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, anh D đã nhiều lần được Tòa án triệu tập để lấy lời khai, đồng thời hòa giải việc ly hôn với chị T nhưng không đến, cũng không thể hiện quan điểm muốn vợ chồng đoàn tụ. Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ cũng đề nghị HĐXX xử cho chị T được ly hôn anh D. Hội đồng xét xử thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh D.

[3] Về con chung: Con chung của chị T và anh D là cháu Phạm Bảo Ngọc, sinh ngày 23/8/2015 hiện đang sống cùng chị T và chị T có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng. HĐXX thấy mặc dù cháu Phạm Bảo Ngọc đã trên 36 tháng tuổi nhưng vẫn còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của mẹ, hơn nữa, từ khi chị T và anh D ly thân nhau tới nay, con vẫn sinh sống cùng chị T tại xã H, huyện Gia Lộc; chị T làm công nhân may, có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con, anh D thường xuyên vắng mặt tại địa phương, sinh sống và làm việc không ổn định nên cần giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống của con là phù hợp với quan điểm của cơ quan quản lý gia đình và trẻ em ở địa phương, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của □y ban th□ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị T, xử cho chị Đặng Thị T ly hôn anh Phạm Văn D.

2. Về con chung: Giao cho chị Đặng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Phạm Bảo Ngọc, sinh ngày 23/8/2015 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0005219 ngày 03/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã D, huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã H, huyện Gia Lộc;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thị Hương Nhu**